TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:01/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 01 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đoan và bà Phạm Thanh Thủy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên

Mở phiên tòa ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1305/2019/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa :

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn L, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1989.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn L, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội. Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình xét xử, nguyên đơn Bùi Thị Th trình bày:

Chị và anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2012 là hôn nhân tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình anh Đ ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu, sau đó bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt bất đồng quan điểm trong cuộc sống... từ đó thường xuyên to tiếng cãi vã thậm chí xảy ra xô sát. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, tháng 12/2017, chị Th đã bỏ về quê ở Thanh Hóa, sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với anh Đi từ đó đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Ch sinh ngày 25/8/2013. Ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Đ phải góp phí tổn.

Về tài sản chung: Không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xét.

Chứng cứ chị Th xuất trình cho Tòa để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung; bản sao sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của chị Th và anh Đi.

Phía bị đơn Nguyễn Văn Đ trình bày:

Quá trình tố tụng, mặc dù đã được triệu tập đến làm việc tại Tòa án nhiều lần nhưng phía anh Đ hoặc không đến, hoặc đến nhưng không hợp tác làm việc. Tại lời khai duy nhất của anh Đ ngày 03/01/2019, anh Đi xác nhận việc kết hôn, con cái, chung sống như lời khai của chị Th là đúng. Mặc dù chị Th đã bỏ về Thanh Hóa từ năm 2017 song anh vẫn qua lại thăm nom bình thường.

Do tình cảm vợ chồng vẫn còn, việc chị Th xin ly hôn chỉ từ một phía nên anh không đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Ch sinh ngày 25/8/2013, nếu phải ly hôn, anh Đ tùy Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, anh Đ cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm cuối cùng của anh Đi là đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ. Do bận làm ăn buôn bán không có thời gian tham gia tố tụng nên anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã đi xác minh tại UBND xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, nơi vợ chồng anh Đ chung sống. Qua xác minh, xác định:

Anh Nguyễn Văn Đ ở Xuân La, Phượng Dực, Phú Xuyên kết hôn với chị Bùi Thị Th ở Thạch Thành, Thanh Hóa từ năm 2012, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Dực (Đăng ký kết hôn số 64/2012, quyển số 01/2012). Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với gia đình anh Đ ngay và đã có với nhau 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Ch. Quá trình chung sống cũng có nhiều bất hòa, to tiếng, đến tháng 12/2017 thì chị Thu bỏ về quên ở Thanh Hóa sinh sống cho đến nay, thỉnh thoảng có ra thăm con.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, anh Đ vẫn sinh sống bình thường tại địa phương. Mặc dù không muốn ly hôn nhưng phía anh Đi không thiện chí hòa giải tình cảm vợ chồng mà có thái độ bỏ mặc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng.

Quan điểm của UBND xã Phượng Dực là đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xử cho chị Thu được ly hôn anh Đ và giao con chung của vợ chồng cho chị Th nuôi dưỡng vì hiện anh Đ không trực tiếp nuôi dưỡng mà phó mặc cho bố mẹ anh Đi trong nom.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Th và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Thu được ly hôn anh Đ; giao con chung của vợ chồng cho chị Th nuôi dưỡng; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Do nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ và cư trú tại thôn L, xã D, huyện X vì vậy TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ, thấy:

Về tình cảm: Mặc dù là hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn song quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm cộng với tính cách không hòa hợp của mỗi bên từ đó đã nảy sinh những xô sát, xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng là tháng 12 năm 2017, hai bên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ đó đến nay.

Do không muốn chung sống, chị Th có đơn xin ly hôn, phía anh Đ mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng lại có thái độ bỏ mặc, không thiện chí hóa giải mâu thuẫn khiến tình cảm vợ chồng không được cải thiện và ngày càng trở nên không lối thoát...

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thu và anh Đi đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn; mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được; hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không có ý nghĩa... Vì vậy, yêu cầu của chị Thu xin ly hôn anh Đi là có căn cứ, phù hợp với các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận để giải phóng cho các bên.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Ch sinh ngày 25/8/2013 hiện đang được bố mẹ anh Đi chăm sóc, ly hôn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu bé, cần giao con chung cho chị Thu nuôi dưỡng là hợp lẽ đồng thời tạm miễn việc góp phí tổn nuôi con cho anh Đ.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Chị Thu phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Giao con chung của anh Nguyễn văn Đ và chị Bùi Thị Th là Nguyễn Thị Quỳnh Ch sinh ngày 25/8/2013 cho chị Bùi Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc; Tạm miễn cho anh Nguyễn Văn Đ việc góp phí tổn nuôi con; Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005186 ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phùng Văn Phong